ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 10/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 09h00 * Ngày thi: 18/10/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28217442572	Đinh Quốc	Anh	15/11/2004	Lâm Đồng	32THT7	4.7	1.4	Không Đạt	
2	29217354330	Đoàn Thế	Anh	27/10/2005	Bình Định	32THT7	6.7	5.0	Đạt	
3	28204646208	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/10/2004	Hà Tĩnh	31SSC8	7.0	5.0	Đạt	
4	28206601574	Mai Hoàng Ngọc	Ánh	28/10/2004	Quảng Bình	31TBN16	5.0	8.3	Đạt	
5	28206801932	Trịnh Minh	Ánh	27/03/2004	Kon Tum	31TBN16	6.0	6.3	Đạt	
6	28212302855	Lương Công Hoài	Bảo	02/12/2004	Gia Lai	31THT3	8.3	5.8	Đạt	
7	28212654277	Trần Dương	Chính	15/11/2004	Nghệ An	32THT7	8.0	8.3	Đạt	
8	29212365176	Huỳnh Tấn	Đại	25/12/2005	Quảng Nam	32THT7	9.3	6.8	Đạt	
9	28208144192	Nguyễn Thị Anh	Đào	27/01/2004	Thừa Thiên H	32TBN8	V	V	Không Đạt	
10	29216858231	Hồ Tấn Trường	Duy	28/06/2005	Đắk Lắk	32TBN8	V	V	Không Đạt	
11	28204322931	Nguyễn Phan Thị Trà	Giang	23/11/2004	Đắk Lắk	31TBN13	8.0	5.0	Đạt	
12	29212363974	Nguyễn Hoàng	Hải	23/08/2005	Đắk Lắk	32THT7	4.0	3.4	Không Đạt	
13	28218305990	Nguyễn Văn Minh	Hải	03/04/2004	Đà Nẵng	31TSC10	7.7	6.0	Đạt	
14	29212352437	Phạm Minh	Hải	28/07/2005	Quảng Nam	32THT7	8.0	6.5	Đạt	
15	28206900023	Tạ Thị Vi	Hân	08/02/2004	Quảng Nam	32TSC4	7.7	2.3	Không Đạt	
16	29206133330	Dương Hồng	Hạnh	03/03/2005	Đắk Lắk	32TBN8	V	V	Không Đạt	
17	26211541574	Phạm Quang	Hiếu	14/02/2002	Quảng Nam	29TSC7	9.3	7.0	Đạt	
18	28204639791	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	03/03/2004	Đà Nẵng	31THT9	7.0	5.3	Đạt	
19	28212305354	Lê Thanh	Hoàn	16/10/2002	Lâm Đồng	31TSC11	7.3	2.8	Không Đạt	
20	29212355200	Nguyễn Vinh Việt	Hoàn	09/03/2005	Đà Nẵng	32THT7	9.3	8.0	Đạt	
21	30212356999	Lê Minh	Hoàng	09/04/2006	Quảng Nam	32THT7	V	V	Không Đạt	
22	29208154410	Nguyễn Thị Kim	Huệ	21/08/2005	Đà Nẵng	32SYC4	6.3	5.0	Đạt	
23	28206550385	Đinh Ngọc Minh	Hương	28/08/2004	Quảng Nam	31SSC5	5.3	5.5	Đạt	
24	29204939205	Nguyễn Thu	Hương	12/02/2005	Quảng Nam	32THT7	8.3	4.0	Không Đạt	
25	29204355894	Nguyễn Trần Thu	Hương	13/11/2005	Ninh Bình	32TBN8	9.7	5.5	Đạt	
26	28206551656	Phạm Thị	Hương	14/12/2004	Đắk Nông	30TYC11	9.0	5.0	Đạt	
27	29204624871	Phùng Thị	Hường	08/05/2003	Quảng Nam	32THT7	9.3	8.5	Đạt	
28	28212845482	Đỗ Gia	Huy	26/10/2003	Đà Nẵng	32TBN8	7.0	6.8	Đạt	
29	28212304135	Nguyễn Văn	Huy	16/08/2004	Đà Nẵng	31CSC7	6.3	5.5	Đạt	
30	28216527038	Phan Văn Nhật	Huy	22/09/2004	Thừa Thiên H	30CBN6	6.3	1.5	Không Đạt	
31	28212100333	Đặng Phúc	Khải	26/11/2004	Đà Nẵng	32TBN8	8.7	9.5	Đạt	
32	28214331267	Hồ Hoàng	Khang	17/11/2004	Phú Yên	32TBN2	5.3	3.8	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29212364712	Nguyễn Đăng	Khoa	19/09/2005	Quảng Nam	32THT7	7.3	9.5	Đạt	
34	29216135516	Trịnh Văn	Lâm	07/01/2005	Gia Lai	32THT7	7.7	7.5	Đạt	
35	28204941092	Nguyễn Thị Bảo	Linh	04/07/2004	Hà Tĩnh	32TBN2	4.7	5.0	Không Đạt	
36	29212334241	Trần Cảnh	Long	30/12/2005	Đà Nẵng	32THT7	7.0	5.5	Đạt	
37	29204861429	Huỳnh Thị Thảo	Ly	04/11/2005	Quảng Ngãi	32CHT3	9.0	6.0	Đạt	
38	27203126812	Võ Thị Cẩm	Ly	19/06/2003	Gia Lai	30CYC7	2.0	7.8	Không Đạt	
39	28204303129	Nguyễn Thị Trà	Mi	02/09/2004	Đắk Lắk	32CYC1	3.7	4.0	Không Đạt	
40	29206221352	H Mal	Mlô	26/04/2004	Đắk Lắk	32THT7	8.0	5.5	Đạt	
41	29206551653	Ngô Thị Trà	My	11/03/2005	Quảng Ngãi	32THT7	7.0	4.0	Không Đạt	
42	28218101992	Hứa Văn Duy	Nam	11/04/2004	Quảng Nam	32SYC3	7.3	8.5	Đạt	
43	28208022130	Bùi Thị Kim	Ngân	02/05/2004	Đà Nẵng	32THT7	7.7	5.0	Đạt	
44	29207160272	Nguyễn Thu	Ngân	14/08/2005	Bình Định	32TBN7	7.3	3.8	Không Đạt	
45	29212556244	Trần Văn	Nghĩa	24/09/2005	Đà Nẵng	32TYC1	V	V	Không Đạt	
46	29202823158	Trần Hồ Thảo	Ngọc	22/06/2005	Quảng Bình	32CSC1	7.7	3.5	Không Đạt	
47	29207165456	Lê Phúc	Nguyên	02/05/2005	Đà Nẵng	32THT7	V	V	Không Đạt	
48	29207149051	Quảng Thanh	Nhã	04/04/2005	Phú Yên	32TSC6	9.7	6.0	Đạt	
49	29209426181	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	26/11/2005	Quảng Bình	32CSC1	7.7	3.6	Không Đạt	
50	29208163343	Bùi Phan Yến	Nhi	27/08/2005	Quảng Nam	32TBN8	9.0	5.0	Đạt	
51	28204854952	Lê Nguyễn Yến	Nhi	24/02/2003	Quảng Bình	32CSC2	8.3	3.6	Không Đạt	
52	28204352583	Ngô Phương	Nhi	11/12/2004	Quảng Nam	31CHT11	9.0	3.8	Không Đạt	
53	29208120868	Hồ Kiều Yến	Như	10/12/2005	Quảng Nam	32TBN8	8.7	3.8	Không Đạt	
54	28207103650	Lê Võ Tâm	Như	30/11/2004	Quảng Nam	31CBN3	6.3	4.0	Không Đạt	
55	28207135923	Trần Thị Hồng	Như	04/09/2004	Quảng Nam	31CBN3	8.0	2.8	Không Đạt	
56	29204300087	Trương Thị Xuân	Như	01/03/2005	Quảng Nam	32TBN8	9.0	6.5	Đạt	
57	29206744973	Hoàng Ngọc	Nữ	17/08/2005	Đắk Lắk	32SBN2	8.7	5.0	Đạt	
58	28212304234	Nguyễn Tấn	Phát	23/09/2003	Vũng Tàu	32SBN1	5.0	5.0	Đạt	
59	29218140636	Lê Hữu Hoàng	Phi	19/10/2005	Đà Nẵng	32TBN8	6.0	3.5	Không Đạt	
60	29219331874	Nguyễn Huỳnh Đăng	Phúc	22/07/2005	Quảng Nam	32TBN8	9.0	8.5	Đạt	
61	30218153269	Phan Bảo	Phúc	29/03/2006	Bắc Giang	32THT7	4.7	3.0	Không Đạt	
62	29206252935	Phạm Hồ Nhã	Phương	02/09/2005	Đà Nẵng	32SYC4	6.0	5.0	Đạt	
63	29210240716	Trương Công Ngọc	Quý	06/03/2005	Quảng Nam	32TBN8	6.3	3.5	Không Đạt	
64	28208152250	Lê Thị Lệ	Quyên	16/09/2004	Quảng Nam	31SBN6	7.7	1.8	Không Đạt	
65	29208164619	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	06/01/2005	Đà Nẵng	32SYC4	7.7	5.5	Đạt	
66	29209335616	Trương Nguyễn Phương	Quỳnh	05/09/2005	Đà Nẵng	32TBN8	9.7	6.8	Đạt	
67	29214353032	Phan Đức Xanh	Rin	05/03/2005	Quảng Nam	32SSC2	6.0	4.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	30212347744	Nguyễn Trọng	Sang	02/06/2006	Gia Lai	32THT7	4.0	3.0	Không Đạt	
69	26212233177	Nguyễn Hoàng Trường	Sơn	02/03/2001	Quảng Ngãi	32THT7	6.7	5.0	Đạt	
70	28218005503	Phạm Hải	Sơn	21/10/2004	Đắk Nông	31THT3	8.7	3.9	Không Đạt	
71	28216640542	Trần Phụng	Sơn	11/02/2004	Thừa Thiên H	32TBN8	V	V	Không Đạt	
72	28212451416	Đỗ Văn	Tài	03/01/2004	Quảng Bình	31TBN10	8.0	3.4	Không Đạt	
73	30206628536	Đặng Thị Xuân	Tâm	16/02/2005	Quảng Ngãi	32THT7	8.3	0.9	Không Đạt	
74	28208001228	Lê Thị Mỹ	Tâm	03/03/2004	Bình Định	30THT7	5.7	5.5	Đạt	
75	29204945191	Trần Thị Thanh	Tâm	15/01/2005	Quảng Bình	32THT7	V	V	Không Đạt	
76	28214741629	Trần Thiện	Tâm	20/09/2004	Quảng Nam	31THT4	8.7	5.0	Đạt	
77	29204150004	Vũ Phạm Mỹ	Tâm	21/12/2005	Quảng Bình	32TBN8	6.3	5.0	Đạt	
78	28213043442	Nguyễn Hữu	Tân	17/07/2004	Nghệ An	32THT7	4.0	3.5	Không Đạt	
79	28212301116	Bùi Long	Tấn	23/03/2004	Bình Định	32SBN2	8.3	9.5	Đạt	
80	28212300702	Huỳnh Lê Trọng	Tấn	15/10/2004	Bình Định	32SSC1	9.7	6.0	Đạt	
81	28214335505	Nguyễn Hữu	Thắng	22/04/2004	Quãng Bình	31TSC14	7.0	2.9	Không Đạt	
82	30212564409	Đỗ Bá	Thanh	27/07/2006	Quảng Bình	32SYC3	7.0	6.3	Đạt	
83	29214142663	Nguyễn Bá	Thanh	04/01/2005	Đắk Lắk	32TBN8	5.3	6.4	Đạt	
84	29205126998	Bùi Thị Thanh	Thảo	08/10/2005	Đà Nẵng	31CHT3	8.0	4.0	Không Đạt	
85	29207129715	Lê Phương	Thảo	29/05/2005	Phú Yên	32TBN7	7.7	5.0	Đạt	
86	29211355626	Hồ Công	Thịnh	16/10/2005	Đà Nẵng	32CBN2	8.3	3.8	Không Đạt	
87	28204649834	Đào Ngọc Anh	Thư	09/01/2003	Đà Nẵng	31TBN3	7.7	5.5	Đạt	
88	30206524757	Dương Anh	Thư	18/09/2006	Quảng Nam	32TBN8	8.3	6.8	Đạt	
89	29214763863	Dương Phạm Anh	Thuận	04/09/2005	Gia Lai	32THT7	V	V	Không Đạt	
90	29207160392	Võ Nguyễn Ngân	Thùy	21/09/2005	Bình Định	32TBN7	8.7	6.5	Đạt	
91	30214728421	Trần Hưng Duy	Tiến	23/08/2004	Quảng Nam	32SYC3	6.3	6.0	Đạt	
92	29212324571	Đinh Dương Hữu	Tình	08/09/2005	Quảng Nam	32THT7	8.7	7.5	Đạt	
93	29207130161	Hồ Ngọc Huyền	Trân	06/08/2005	Bình Định	32TBN7	8.0	3.3	Không Đạt	
94	28206201369	Lê Thị Thảo	Trân	11/11/2004	Bình Định	31CHT7	7.0	5.0	Đạt	
95	29207160439	Cù Phan Thị Thùy	Trang	07/02/2005	Đắk Lắk	32TBN7	3.7	3.1	Không Đạt	
96	29207160440	Đồng Huyền	Trang	08/06/2005	Bình Định	31TBN10	8.3	1.8	Không Đạt	
97	29206546287	Lê Thị	Trinh	23/01/2005	Quảng Nam	32TBN7	7.7	0.9	Không Đạt	
98	29207160216	Phạm Minh	Trúc	04/01/2005	Quảng Nam	32TBN7	5.0	4.0	Không Đạt	
99	28212301758	Lê Xuân	Trường	06/12/2004	Gia Lai	31TYC11	6.0	1.8	Không Đạt	
100	28212344030	Lư Quốc	Tưởng	03/02/2004	Quảng Nam	32THT7	9.3	5.3	Đạt	
101	28208152626	Nguyễn Thị	Tuyến	25/08/2004	Thanh Hoá	32TBN1	7.7	3.8	Không Đạt	
102	29204954784	Nguyễn Ngọc Nhã	Uyên	22/12/2005	Đà Nẵng	32TBN8	6.7	3.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
103	28204643433	Ngô Thị Bích	Vân	11/11/2004	Kon Tum	32CYC2	**7.3**	**4.0**	**Không Đạt**	
104	30212758602	Đỗ Hồ Quý	Vũ	15/04/2006	Quảng Nam	32TBN8	**8.7**	**7.0**	**Đạt**	
105	29212146889	Huỳnh Tấn	Vững	11/11/2005	Quảng Ngãi	32THT7	**6.7**	**4.0**	**Không Đạt**	
106	29209442515	Lương Phạm Hồng	Vy	27/07/2005	Đà Nẵng	32TBN8	**5.7**	**3.3**	**Không Đạt**	
107	29208055843	Nguyễn Thị Khánh	Vy	22/06/2005	Đà Nẵng	32TBN8	**6.7**	**5.0**	**Đạt**	
108	29206530580	Nguyễn Thị Tường	Vy	01/05/2005	Quảng Nam	32CSC2	**9.0**	**5.3**	**Đạt**	
109	28216504838	Ngô Kỳ	Vỹ	25/12/2004	Quảng Ngãi	32THT7	**V**	**V**	**Không Đạt**	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh